

Số: 42/TB-THPTNTTr

Nam Định, ngày 07 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách đối với người học

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường tiến hành công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm học 2024 - 2025 về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học như sau:

Năm học 2024 – 2025, thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2021-2022. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Nhà trường đã chi trả trực tiếp, đầy đủ chế độ nêu trên tại bộ phận thủ quỹ của đơn vị, cụ thể:

1. Kỳ 1 năm học 2024-2025:

- Số học sinh miễn 100% học phí là 04 học sinh, mức miễn là 90.000đ/tháng/HS.

Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Vũ Lan Anh	10G	90,000	4	360,000	Hộ Nghèo
2	Trần Anh Tú	10H	90,000	4	360,000	Khuyết tật, hộ cận nghèo
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10I	90,000	4	360,000	Hộ Nghèo
4	Lê Thị Mỹ Huyền	12D	90,000	4	360,000	Hộ nghèo
Cộng					1,440,000	

- Số học sinh giảm 50% học phí là 18 học sinh, mức miễn là 45.000đ/tháng/HS.

Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được giảm	Số tháng được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	Lê Công Thường	10C	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
2	Nguyễn Quang Đạt	10C	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo

3	Đặng Tiến Thành	10D	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
4	Hoàng Diễm Quỳnh	10E	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
5	Mai Yến Nhi	10G	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
6	Đỗ Minh Hằng	10G	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
7	Đoàn Thị Thu Thủy	10H	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
8	Đào Thị Phương Lam	11A	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
9	Nguyễn Ngọc Sơn	11A	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
10	Ngô Thị Thanh Nhài	11B	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
11	Phạm Thị Thu Hiền	11C	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
12	Phạm Thị Ánh	11G	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
13	Phạm Hoàng Khánh Du	11I	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
14	Nguyễn Thị Hạnh Dung	12A	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
15	Trần Đức Mạnh	12A	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
16	Đặng Thị Vân	12A	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
17	Đặng Hoàng Hải	12E	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
18	Đàm Minh Thu	12H	45,000	4	180,000	Hộ cận nghèo
Cộng					3,240,000	

- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập là 04 học sinh, mức hỗ trợ là 150.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ CPHT	Số tiền được hỗ trợ CPHT
1	Vũ Lan Anh	10G	150,000	4	600,000
2	Trần Anh Tú	10H	150,000	4	600,000
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10I	150,000	4	600,000

4	Lê Thị Mỹ Huyền	12D	150,000	4	600,000
	Cộng				2.400.000

- Số học sinh khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng là: Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục (Theo Điều 7 Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC). Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

STT	Tên học sinh	Lớp	Nhu cầu kinh phí học kỳ I năm học 2024-2025		Ghi chú
			Hỗ trợ học bổng	Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập	
	TỔNG SỐ		7,488,000	444,444	
1	Trần Anh Tú	10H	7,488,000	444,444	

2. Kỳ 2 năm học 2024-2025:

- Số học sinh miễn 100% học phí là 03 học sinh, mức miễn là 90.000đ/tháng/HS. Số tháng được miễn là 05 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Vũ Lan Anh	10G	90,000	5	450,000	Hộ nghèo
2	Trần Anh Tú	10H	90,000	5	450,000	Khuyết tật
3	Lê Thị Mỹ Huyền	12D	90,000	5	450,000	Hộ nghèo
	Cộng				1,350,000	

- Số học sinh giảm 50% học phí là 16 học sinh, mức miễn là 45.000đ/tháng/HS. Số tháng được giảm là 05 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được giảm	Số tháng được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	Dương Minh Phú	10B	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
2	Nguyễn Trường Phát	10B	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
3	Mai Xuân An	10C	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
4	Lê Công Thường	10C	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo

5	Đỗ Văn Thông	10C	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
6	Hoàng Diễm Quỳnh	10E	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10I	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
8	Ngô Thị Thanh Nhài	11B	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
9	Phạm Hoàng Khánh Du	11I	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
10	Nguyễn Thị Hạnh Dung	12A	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
11	Trần Đức Mạnh	12A	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
12	Đặng Thị Vân	12A	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
13	Bùi Phạm Đức Quảng	12B	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
14	Đặng Hoàng Hải	12E	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
15	Đỗ Thị Thùy Tiên	12H	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
16	Đàm Minh Thu	12H	45000	5	225,000	Hộ cận nghèo
	Cộng				3,600,000	

- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập là 02 học sinh, mức hỗ trợ là 150.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 05 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ CPHT	Số tiền được hỗ trợ CPHT
1	Vũ Lan Anh	10G	150,000	5	750,000
2	Lê Thị Mỹ Huyền	12D	150,000	5	750,000
	Cộng				1,500,000

- Tổng số tiền miễn học phí: 2.790.000 đồng;
- Tổng số tiền giảm học phí: 7.020.000 đồng;
- Tổng số tiền hỗ trợ chi phí học tập: 11.832.444 đồng.



Nguyễn Thắng Cảnh